

Số: **889** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **30** tháng **3** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình số 11-CTr/TU ngày 16/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Chương trình số 09-CTr/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045;

- Căn cứ Nghị quyết số 179/NQ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh về việc thông qua Dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2177/STC-TH&QLNS ngày 20/3/2026 và Công văn số 2418/STC-TH&QLNS ngày 27/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk

Lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, phường:

1. Căn cứ Kế hoạch hành động này và chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng Chương trình, kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị mình và cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung thuộc ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ đơn vị tham mưu, quản lý. Hoàn thành trước ngày 10/4/2026 và gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

Định kỳ trước ngày 18 hàng tháng, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục 2 gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 05/01/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hoạt động toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Quốc hội (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Ban của Đảng và HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Báo Đắk Lắk và PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy

(Kèm theo Quyết định số **889** /QĐ-UBND ngày **30/3** /2026 của UBND tỉnh)

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (viết tắt là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng) gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 – 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045; UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch hành động với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, các chương trình hành động của Trung ương và Chính phủ, Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 16/3/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Chương trình số 09-CTr/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm của các cấp từ tỉnh đến cơ sở để phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị và Nhân dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung của UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và tăng cường sự giám sát của Nhân dân.

Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã đề ra;

triển khai các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp; phân công trách nhiệm cụ thể, đảm bảo “6 rõ”, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, đơn vị gắn với kiểm tra, đánh giá định kỳ việc triển khai thực hiện.

Quá trình triển khai thực hiện phải đảm bảo quán triệt sâu sắc phương châm: *“Phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá”*. Bảo đảm các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn của Đại hội XIV được quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh; lấy hiệu quả thực thi, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo; tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét và thực chất trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

Khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, bản sắc văn hóa của các dân tộc và không gian phát triển mới để hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh Đắk Lắk phát triển nhanh, bền vững, văn minh, bản sắc; góp phần cùng cả nước hoàn thành mục tiêu giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Phấn đấu hoàn thành ở mức cao hơn các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của cả nước tại Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, cụ thể:

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh) bình quân đạt từ 11%/năm trở lên.

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến năm 2030 đạt 157 triệu đồng/người trở lên.

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2026 - 2030 đạt trên 625.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 35% trong GRDP theo giá hiện hành.

(4) Tổng giá trị xuất khẩu đạt trên 16 tỷ USD, bình quân tăng 5-6%/năm.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ bình quân tăng từ 17,48%/năm trở lên.

(6) Tổng khách du lịch đến tỉnh trong 5 năm đạt trên 50 triệu lượt khách (trong đó có hơn 800 nghìn lượt khách quốc tế); tổng thu từ du lịch đạt trên 111.300 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân từ 17,1%/năm trở lên.

(7) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không kể thu tiền sử dụng đất) bình quân tăng từ 11%/năm trở lên.

(8) Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước đến năm 2030 đạt trên 86%.

(9) Tổng số doanh nghiệp thành lập mới bình quân tăng từ 13%/năm trở lên.

(10) Quy mô kinh tế số đến hết năm 2030 đạt 30% GRDP trở lên.

2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(11) Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm bình quân từ 2%/năm trở lên; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 3%/năm trở lên. Đến năm 2030, cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

(12) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2030 đạt 70% trở lên.

(13) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 75%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 35%. Mỗi năm tạo việc làm tăng thêm cho trên 56.000 lao động, trong đó: Xuất khẩu lao động khoảng 2.000 - 2.500 người. Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị đến năm 2030 còn 2%.

(14) Đến năm 2030: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) còn 12,15%. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 33 giường; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 10,2 bác sỹ. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%.

(15) Đến năm 2030, có 68/88 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 08/88 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

(16) Đến năm 2030: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42% trở lên. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 98%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,7%. Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%.

4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(17) Tuyển chọn, gọi nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu cấp trên giao. Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm xâm phạm trật tự xã hội bình quân đạt trên 75%, tỷ lệ điều tra, khám phá án xâm phạm trật tự xã hội nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng bình quân đạt trên 90%; phấn đấu đến năm 2030 đạt mục tiêu ít nhất 50% xã, phường trên địa bàn tỉnh không có ma túy; kiểm chế, làm giảm ít nhất 5% tội phạm về trật tự xã hội/năm; phấn đấu giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 03

tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương so với cùng kỳ.

(Chi tiết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành và huy động nguồn lực phát triển nhanh, bền vững

1.1. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường:

- Chủ động có giải pháp cải thiện năng lực quản lý nhà nước, hiệu quả hoạt động của bộ máy; rà soát, hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng nguyên tắc, bảo đảm vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

- Kịp thời tham mưu cơ quan có thẩm quyền thể chế hóa các nghị quyết, kết luận của Trung ương thành quy định, quy chế và tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức của các sở, ngành, địa phương trong giải quyết công việc, làm rõ trách nhiệm trong công tác phối hợp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân từ lãnh đạo đến chuyên viên để triển khai thực hiện hiệu quả công việc.

- Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh triển khai số hóa, ứng dụng hiệu quả các nền tảng pháp lý, dữ liệu mở, công khai, minh bạch thông tin cơ sở dữ liệu pháp lý, quy hoạch, đất đai, đầu tư phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách cần thiết để thực hiện cơ chế đặc thù, vượt trội, khơi thông điểm nghẽn cho đầu tư phát triển.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội; bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; số hóa toàn bộ hồ sơ, quy trình thực hiện chính sách an sinh xã hội; lồng ghép chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong các chương trình phát triển.

1.2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh đề xuất áp dụng các cơ chế, chính sách quy định tại các điều cụ thể của Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội, bảo đảm giải pháp khi áp dụng phải tháo gỡ được ngay vướng mắc cho các dự án đầu tư.

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện các dự án nông lâm nghiệp sử dụng đất lâm nghiệp đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh; rà soát, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh đề xuất Trung ương cho phép tỉnh Đắk Lắk được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù tương tự các địa phương

khác đã được triển khai thực hiện, song song với việc mở rộng việc áp dụng Nghị quyết số 72/2022/QH15 trên phạm vi toàn tỉnh.

- Triển khai rà soát đánh giá rõ ràng, cụ thể về kết quả cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, chỉ rõ những điểm nghẽn, bất cập và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh. Xây dựng tài liệu hướng dẫn về trình tự thực hiện dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; đề xuất giải pháp nhằm đơn giản hóa quy trình, cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục đầu tư.

- Thường xuyên nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để phát triển các mô hình kinh tế mới, các động lực tăng trưởng mới (*khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...*).

1.3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh giải pháp, quy định nhằm hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền triệt để giữa cấp tỉnh và cấp xã; tăng cường cơ chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; phát huy giám sát, phản biện xã hội; bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Tham mưu thực hiện quyết liệt, có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương.

- Hoàn thành và tổ chức triển khai có hiệu quả hệ thống đánh giá công chức theo KPI, từng bước xây dựng “Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ” trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu về kết quả công tác, sản phẩm đầu ra, chỉ số tín nhiệm và ý kiến phản hồi đa chiều.

- Tham mưu xây dựng hệ thống chỉ tiêu cụ thể về thực hiện cải cách hành chính, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030. Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh bộ chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương đảm bảo phản ánh đầy đủ kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức của các sở, ngành, địa phương trong giải quyết công việc, làm rõ trách nhiệm trong công tác phối hợp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân từ chuyên viên đến lãnh đạo để triển khai thực hiện hiệu quả công việc.

1.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tổng rà soát, phân loại cụ thể các vướng mắc về các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và môi trường; làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; giải quyết dứt điểm theo thẩm quyền và kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền đối với các nội dung vượt thẩm quyền. Rà soát, đề xuất áp dụng các nội dung tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Tham mưu triển khai quyết liệt, đồng bộ các chính sách đất đai mới; rút ngắn thời gian thủ tục đầu tư, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đẩy nhanh lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất, tạo quỹ đất sạch cho các dự án ưu tiên nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, chăn nuôi tập trung và các dự án thuộc lĩnh vực tính có lợi thế;

- Tham mưu giải quyết dứt điểm tranh chấp đất đai, nhất là các vụ việc liên quan các công ty nông - lâm nghiệp; tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng ngừa tiêu cực trong lĩnh vực đất đai.

- Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; cơ chế thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu các sản phẩm chủ lực; khuyến khích hình thành các vùng nguyên liệu tập trung; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã.

1.5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

Tổ chức triển khai Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

1.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030.

- Cụ thể hóa hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực con người Đắk Lắk gắn với đặc trưng đa văn hóa, đa dân tộc của tỉnh; tích hợp nội dung giáo dục giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống vào chương trình giáo dục và sinh hoạt cộng đồng.

- Tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Đề án của UBND tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Nghị quyết về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

1.7. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

Tham mưu triển khai có hiệu quả Quyết định số 104/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “*Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên*”; hoàn thiện cơ chế kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

1.8. Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

Báo cáo UBND tỉnh đề xuất Quốc hội, Chính phủ cho phép mở rộng Khu kinh tế Nam Phú Yên và được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù của khu thương mại tự do để thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng cường liên kết vùng, đặc biệt với Khu kinh tế Vân Phong.

1.9. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tập trung rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện TTHC, nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến.

2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

2.1. Triển khai đồng bộ các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển; ưu tiên nguồn lực thực hiện các đột phá chiến lược

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Thường xuyên theo dõi, tham mưu UBND tỉnh điều hành thu - chi ngân sách bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, tiêu cực, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển và bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn; ưu tiên nguồn lực thực hiện các đột phá chiến lược; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, logistics, hạ tầng chuyển đổi số; đào tạo nguồn nhân lực...

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết của Trung ương về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hình thức PPP; đề xuất thí điểm mô hình

“đầu tư công - quản lý tư” đối với một số dự án hạ tầng, dịch vụ công.

- Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải cách mạnh mẽ trong công tác xúc tiến và thu hút đầu tư, để thu hút đầu tư thực sự là động lực cho tăng trưởng của tỉnh; tập trung huy động nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế.

b) Thuế tỉnh, Hải quan khu vực, Trung tâm Phát triển quỹ đất và UBND các xã, phường:

- Tăng cường quản lý, chống thất thu, triển khai tốt các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, nhất là các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là bán đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất, thu nợ tiền đất, thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Rà soát, kiểm soát thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo hướng minh bạch, ổn định, hạn chế đầu cơ; bảo đảm cân đối cung - cầu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Tăng cường công tác đấu tranh chống gian lận thương mại, bảo vệ người tiêu dùng và ổn định thị trường trong tình hình mới.

e) Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh khu vực 11 thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh:

- Triển khai các biện pháp tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối trên địa bàn.

- Thực hiện hiệu quả hoạt động kết nối giữa ngân hàng với khách hàng; phối hợp hệ thống tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng sản xuất - kinh doanh; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của khách trong tiếp cận vốn.

- Đẩy mạnh cho vay các chương trình tín dụng, các ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh, các động lực tăng trưởng truyền thống và hỗ trợ nguồn vốn phát triển các động lực tăng trưởng mới.

- Thực hiện tốt công tác huy động vốn để tập trung tối đa nguồn vốn nhân rộng trong nền kinh tế phục vụ cho vay phát triển kinh tế địa phương. Tăng cường củng cố, mở rộng, phát triển mạng lưới các tổ chức tín dụng hợp lý, triển khai đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

2.2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, hoàn thiện định hướng phát triển chiến lược

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan:

- Tập trung rà soát, sớm hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk

thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ động phối hợp đề xuất điều chỉnh Quy hoạch vùng và cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng để khai thác nguồn lực, lợi thế của tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk 5 năm 2026 - 2030, trong đó lưu ý có giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực, các động lực tăng trưởng mới, chú trọng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng theo yêu cầu.

- Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, ưu tiên nguồn lực thực hiện các đột phá chiến lược; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, logistics, chuyển đổi số,...

- Tham mưu triển khai Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới (*sau khi Trung ương ban hành Đề án*), cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp.

- Xây dựng Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng và phát triển khu vực Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Kết luận 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị; các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 và Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội tại các xã, phường mới được thành lập tương ứng.

- Chủ trì tham mưu triển khai, phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030 được thành lập tại Quyết định số 152-QĐ/TU ngày 12/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì rà soát, tính toán theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, tham mưu xây dựng đề án, kế hoạch của tỉnh nhằm nâng cao đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng.

c) UBND các xã, phường: Buôn Ma Thuột, Tân Lập, Tân An, Thành Nhất, Ea Kao và Hòa Phú

- Tích cực phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 72/2022/QH15 và Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết của xã, phường để triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về tiếp tục xây dựng và phát triển khu vực Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Kết luận 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị.

c) Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan:

- Đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng yêu

cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch ngành, lĩnh vực của địa phương làm cơ sở để thu hút đầu tư, phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, các giá trị văn hóa, lịch sử và không gian phát triển mới.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, chú trọng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng theo yêu cầu.

2.3. Tạo đột phá trong cơ cấu lại ngành công nghiệp

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, chương trình về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; đề xuất giải pháp thu hút dự án công nghiệp công nghệ cao tham gia chuỗi cung ứng; phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành các ngành/sản phẩm công nghiệp chủ lực của địa phương.

- Xây dựng Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cơ cấu lại các ngành sản xuất công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Sớm hoàn thành xây dựng Nghị quyết mới của HĐND tỉnh về chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp sản xuất chuyên ngành hoặc theo chuỗi sản xuất, cung ứng.

- Tham mưu xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn 2026 – 2030 và kế hoạch khuyến công hàng năm, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp cơ khí chế tạo, linh kiện điện tử; phát triển các ngành công nghiệp động lực gắn với kinh tế biển, mở rộng và phát triển các ngành công nghiệp hiện có theo hướng sản xuất sản phẩm tinh, sản phẩm chế biến sâu với hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường, có giá trị gia tăng cao.

- Hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn gắn với chế biến nông lâm thủy sản. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan.

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 11/02/2020, Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 18/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW về “*Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt Phương án phát triển điện lực tỉnh và kế hoạch điều chỉnh thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, bảo đảm ổn định cung cầu năng lượng, đảm bảo phân phối điện tới các vùng nông thôn, miền núi, biên giới. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo đã và đang xây dựng để sớm đưa vào vận hành phát điện.

- Phối hợp với ngành điện xây dựng và cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn.

- Khuyến khích phát triển các dạng năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh...) gắn với các tổ hợp công nghiệp năng lượng - hóa chất, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan: Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ cùng những điều kiện hỗ trợ tốt nhất của tỉnh; nghiên cứu áp dụng các chính sách đặc thù đối với những dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan: Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư để nhanh chóng tiếp cận và chuyển giao các công nghệ mới, hiện đại; nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; chính sách thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ; khuyến khích chuyển đổi, thay thế thiết bị lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

d) Các Ban quản lý: Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng, phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp tạo động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh, khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Nam Phú Yên.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút nhà đầu tư lớn và dự án có quy mô, các ngành lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh gắn với việc phát huy lợi thế cảng biển (như luyện kim, lọc hóa dầu,...), các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao; khuyến khích doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp chuyển đổi, sử dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa, dịch vụ. Chú trọng sử dụng nguồn nguyên vật liệu đã được nội địa hoá, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu.

- Tập trung xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư lớn để nghiên cứu đề xuất các dự án mới như: hạ tầng các KCN Hòa Tâm - giai đoạn 2, KCN Hòa Xuân Đông, KCN Hòa Xuân Tây, Khu công nghiệp - đô thị dịch vụ, hạ tầng logistics,...

- Thường xuyên theo dõi, chủ động hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm như Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phú Xuân, các dự án trong Khu kinh tế (như: dự án Cảng Bãi Góc, hạ tầng KCN Hòa Tâm và KCN công nghệ cao, ...), đầu tư mở rộng KCN Hòa Phú giai đoạn 2.

- Hoàn thành lập Đề án điều chỉnh phạm vi, ranh giới Khu kinh tế Nam Phú Yên; Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nam Phú Yên. Tổ

chức lập hoàn thành các Đồ án Quy hoạch phân khu các khu chức năng còn lại trong Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp khác theo quy hoạch (*Ea H'leo, Ea Kar, M'Đrắk và Hòa Phú mở rộng*) để làm cơ sở thu hút, kêu gọi đầu tư.

2.4. Tập trung phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, thúc đẩy du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh và triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho mô hình logistics, kho lạnh, chuỗi giá trị nông sản chế biến xuất khẩu; cơ sở hạ tầng thương mại. Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp hóa và đẩy mạnh số hóa, tập trung vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án của Trung ương về phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2026 – 2030; đề án đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản đến năm 2030 nhằm khuyến khích sản xuất, tiêu dùng nội địa.

- Tăng cường công tác xúc tiến xuất khẩu; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm xuất khẩu; hỗ trợ phát triển thương hiệu, các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh; hợp tác với các tỉnh/thành, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cao chuỗi giá trị xuất khẩu.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án phát triển thương hiệu thành phố Buôn Ma Thuột trở thành “Thành phố cà phê của thế giới” phát triển du lịch theo hướng sinh thái, khai thác các giá trị văn hóa địa phương gắn với các di tích quốc gia” gắn với phát triển đô thị Buôn Ma Thuột.

- Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại; Triển khai sử dụng hợp đồng điện tử trong hoạt động giao dịch. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho doanh nghiệp,...

- Khuyến khích doanh nghiệp dịch vụ ứng dụng nền tảng số, chuẩn hóa chất lượng phục vụ, tối ưu hoạt động cung ứng và phân phối; đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dịch vụ, nhất là ngoại ngữ, kỹ năng nghề, kỹ năng giao tiếp, tác phong phục vụ nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường xúc tiến xuất khẩu, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực chế biến, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm xuất khẩu; xây dựng thương hiệu, phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh; hợp tác với các tỉnh/thành, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cao chuỗi giá trị xuất khẩu.

- Khuyến khích áp dụng các giải pháp công nghệ để giảm sử dụng bao bì nhựa và tăng cường sử dụng chất liệu có thể tái chế, bảo vệ môi trường. Hỗ trợ

doanh nghiệp triển khai tiêu chuẩn đóng gói xanh, tuần hoàn, đặc biệt với sản phẩm nông sản, hải sản chủ lực của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh giải pháp hỗ trợ phát triển thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, tôm hùm Phú Yên và các thương hiệu có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Đề án của UBND tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050, trong đó xác định hình thành và phát triển các khu du lịch quy mô lớn; phát triển đô thị du lịch, kinh tế ban đêm, phố đi bộ - ẩm thực - mua sắm, tại phường Buôn Ma Thuột, Tuy Hoà. Quy hoạch, định vị một số địa phương trở thành điểm đến du lịch trọng điểm của tỉnh như Buôn Ma Thuột, Ea Kao, Liên Sơn Lắc, Buôn Đôn, Tuy Hòa, Phú Yên, Sông Cầu,...

- Hình thành và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch tỉnh Đắk Lắk, phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch văn hóa. Nghiên cứu định hướng kết nối chuỗi di sản - du lịch - văn hóa phía Đông và Tây tỉnh Đắk Lắk; khai thác giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, đặc biệt là 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại được UNESCO ghi danh là Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên và Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam.

- Xây dựng chiến lược quảng bá, hợp tác phát triển du lịch trong và ngoài nước và đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá hình ảnh; tổ chức thực hiện tốt các chương trình liên kết, hợp tác, kết nối tour du lịch; chú trọng liên kết có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt là kết nối giữa nhà quản lý, các doanh nghiệp và các khu, điểm du lịch để tăng tính hấp dẫn, thu hút, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách du lịch đến với Đắk Lắk.

- Lập bản đồ du lịch, khoanh vùng tài nguyên và di tích để quản lý, bảo tồn, khai thác bền vững tại Đầm Ô Loan, Vũng Rô, Đèo Cả, Núi Đá Bia, Vườn quốc gia Yok Đôn, Hồ Lắk, Vườn quốc gia Chư Yang Sin...

- Hoàn thiện đề án Công viên địa chất Phú Yên được ghi danh UNESCO là Công viên địa chất toàn cầu và tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch và lập hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO xem xét ghi danh: Di tích danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Gành Đá Đĩa vào danh mục Di sản thiên nhiên thế giới; di sản văn hóa phi vật thể "tri thức trồng và chế biến cà phê tỉnh Đắk Lắk" danh sách Đăng ký những thực hành bảo vệ tốt.

- Nghiên cứu mở văn phòng đại diện du lịch ở các thị trường trọng điểm. Đề xuất giải pháp cải thiện thủ tục xuất nhập cảnh, tăng cường thủ tục điện tử để

thuận lợi cho khách quốc tế.

- Đầu tư tu bổ, tôn tạo, khai thác hợp lý các di tích quốc gia, danh lam thắng cảnh; kết hợp khai thác dịch vụ để tạo nguồn kinh phí tái đầu tư.

- Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch chất lượng cao: chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ, quản lý. Nâng cao ý thức cộng đồng và doanh nghiệp về trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch để tạo sinh kế bền vững.

- Phát triển du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ 3D/4D, bản đồ số, thuyết minh tự động đa ngôn ngữ. Xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu ngành du lịch Đắc Lắc vào nền tảng hệ thống quốc gia. Đẩy mạnh truyền thông số, marketing trực tuyến, quảng bá trên các nền tảng số toàn cầu, đa ngôn ngữ.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

Tích cực phối hợp nâng cấp Cảng hàng không Buôn Ma Thuột, Tuy Hòa, tăng tần suất các chuyến bay; đầu tư nâng cấp Ga Tuy Hoà, tăng thời gian dừng tàu để phát triển loại hình du lịch bằng tàu hoả; đầu tư bến tàu, cầu phao nổi phục vụ phát triển du lịch tại Vịnh Xuân Đài, Hòn Yến, Hòn Lao Mái Nhà, Hòn Nưa, Long Thủy, Phú Thường, Sông Chùa, Đầm Cù Mông...

2.5. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, giá trị gia tăng cao, tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Xây dựng Chương trình về cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao; Kế hoạch tái canh cây Cà phê trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

- Triển khai xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy, kế hoạch thực hiện các giải pháp toàn diện, đồng bộ để thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng, đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030.

- Triển khai Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và xây dựng nông thôn, nông dân giàu có. Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nông lâm nghiệp, gắn hoạt động của doanh nghiệp với vai trò trung tâm trong thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, giá trị gia tăng cao, tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị.

- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực tạo tăng trưởng trực tiếp, các ngành hàng chủ lực: cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, chăn nuôi gia súc gia cầm, thủy sản, kinh tế rừng; gắn sản xuất với yêu cầu thị trường xuất khẩu (EUDR, tiêu chuẩn xanh, bền vững).

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch,

nhiệm vụ thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh học, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp các bon; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, gắn nông nghiệp với du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, kết nối với công nghiệp chế biến và thị trường.

- Tham mưu rà soát, điều chỉnh đồng bộ các quy hoạch ngành; hình thành vùng sản xuất trọng điểm, vùng công nghệ cao, vùng nguyên liệu gắn với chế biến; chuyển đổi đất lúa, đất màu kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có lợi thế theo quy hoạch.

- Xây dựng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn, bền vững cho các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh Đắk Lắk. Phát triển chuỗi giá trị, chế biến sâu và thị trường tiêu thụ.

- Tổ chức liên kết chặt chẽ sản xuất - chế biến - tiêu thụ trên tất cả các lĩnh vực. Hỗ trợ mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói; truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn hóa chất lượng. Phát triển thương hiệu nông sản chủ lực (Cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, bơ...).

- Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nuôi công nghiệp ở vùng biển hở, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và nuôi trồng; tối ưu hóa khai thác thủy sản vùng khơi, tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 095/KH-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai các chính sách đặc thù để thúc đẩy nuôi trồng thủy sản phát triển: hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ di dời lồng bè, hỗ trợ kỹ thuật, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản đặc biệt là nuôi biển.

- Khuyến khích kêu gọi các tổ chức cá nhân tham gia đầu tư phát triển các dự án nuôi trồng thủy sản; kêu gọi các tổ chức đầu tư chuyển giao công nghệ, xây dựng các cơ sở sản xuất vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ nuôi trồng thủy sản của tỉnh để chủ động sản xuất và giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình kinh tế tập thể đối với khai thác vùng biển xa bờ và mô hình đồng quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản; duy trì và phát triển mô hình tổ chức khai thác theo mô hình tổ/đội đã phát huy vai trò tích cực trong hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ vận chuyển sản phẩm, tăng chất lượng và giá trị sau khai thác.

- Đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn về nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đáp ứng

yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

- Tham mưu xây dựng bộ giống cây trồng, vật nuôi chủ lực đặc trưng của tỉnh có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và thích ứng với biến đổi khí hậu cho các sản phẩm chủ lực.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành liên quan đến khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân vào nông lâm thủy sản; khuyến khích hình thành các mô hình kinh tế hợp tác, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp để thay thế cho mô hình kinh tế hộ nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả thấp.

- Tăng cường năng lực của hệ thống kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm đối với vật tư, sản phẩm nông lâm thủy sản, quyền lợi người tiêu dùng.

2.6. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển hạ tầng, thúc đẩy đầu tư xây dựng:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, tập trung đầu tư các công trình, dự án quan trọng kết nối nội vùng, liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

- Xây dựng Đề án phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 (trong đó phải cụ thể được các dự án gắn với tuyến đường đã được đầu tư hoàn thiện như tại xã Vân Hòa; các dự án trên tuyến đường Võ Nguyên Giáp, hồ Ea Nao, Ea Tam, Buôn Ma Thuột...). Tập trung phát triển đô thị theo mô hình chuỗi; trong đó, khu vực Buôn Ma Thuột là trung tâm của tỉnh, khu vực Tuy Hòa là trung tâm ven biển phía Đông; hình thành một số cực tăng trưởng, đô thị mới, khu kinh tế, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ động lực.

- Đề xuất đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến quốc lộ (như: QL.29; QL.26; QL.25; QL.27; QL.14C, QL.14;...) và xây dựng các trục kết nối với đường bộ cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, quốc lộ, đường kết nối với các Khu kinh tế, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp,... nhằm đảm bảo tính kết nối đồng bộ.

- Tập trung đầu tư, tích cực phối hợp triển khai, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo trục dọc Bắc - Nam, nhất là các tuyến đường ven biển, các trục giao thông chính kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; đẩy mạnh xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng công trình Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh theo kế hoạch đề ra

- Tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Trung ương quan tâm, sớm triển khai đầu tư tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Pleiku - Buôn Ma Thuột và Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 29; sớm hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án tuyến đường bộ cao tốc Đông - Tây tỉnh Đắk Lắk; đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương đầu tư hoàn thành các dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Tuy Hòa; nâng cấp, mở rộng Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột và nâng cấp, mở rộng các công trình khu bay.

- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cập nhật, bổ sung quy hoạch tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuột vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để sớm đầu tư xây dựng dự án.

- Tổ chức rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh chương trình và lập kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2025-2030 đảm bảo chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức rà soát, bổ sung danh mục dự án nhà ở xã hội đáp ứng yêu cầu kêu gọi, xã hội hóa đầu tư xây dựng trên địa bàn; thực hiện rà soát phê duyệt danh mục khu đất đủ điều kiện thí điểm theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 để triển khai dự án nhà ở thương mại.

- Rà soát, đề xuất các cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung để hoàn thiện các cơ chế chính sách nhằm thu hút đầu tư vào đô thị.

- Tháo gỡ thủ tục nhà ở xã hội, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025, Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 có trọng tâm, trọng điểm, gắn kết.

- Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển, khai thác cảng biển, cảng cạn trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch.

- Tăng cường huy động nguồn lực xã hội, tham gia của các tổ chức, cá nhân vào đầu tư hạ tầng; tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư tư nhân. Huy động hợp lý nguồn vốn ODA, các khoản vay ưu đãi gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Chương trình hành động về phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là Khu Kinh tế Nam Phú Yên. Phát triển kinh tế biển bền vững, gắn với quy hoạch liên kết vùng. Tập trung khai thác tiềm năng kinh tế biển khu vực ven biển tỉnh kết nối Vân Phong, Cam Ranh.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển hạ tầng logistics và liên kết vùng.

- Triển khai có hiệu quả Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp và đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng, phát triển trung tâm xuất khẩu nông sản quy mô

lớn, một số trung tâm logistics và ICD, các cảng cạn phục vụ vận tải đa phương thức đảm bảo kết nối đồng bộ với Trung tâm logistics của vùng; phát triển kho lạnh cho nông sản, kho trung chuyển liên vùng, liên tỉnh giúp cải thiện năng suất, giảm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp địa phương.

d) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa tài liệu cơ quan nhà nước, công dân số, dữ liệu doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia; hoàn thiện các chính sách, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công. Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả các dịch vụ đô thị thông minh.

e) UBND các xã, phường:

- Ưu tiên đầu tư, kêu gọi đầu tư (thông qua các đơn vị khai thác dịch vụ công ích) đầu tư kết nối hạ tầng đến các dự án nhà ở xã hội (giải phóng mặt bằng, giao thông, cấp điện, nước, thoát nước...) hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đầu tư.

- Tổ chức lập, rà soát điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị đáp ứng yêu cầu làm cơ sở để xác định phạm vi, danh mục các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị, trong đó có dự án phát triển nhà ở và khu vực phát triển đô thị; tổ chức rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt làm cơ sở để xác định phạm vi, danh mục các dự án dự án phát triển nhà và khu vực phát triển đô thị.

- Xác định danh mục và tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng; ưu tiên khu vực có tốc độ đô thị hóa, khu dân cư phát triển nhanh, nhu cầu chuyển đổi đất xây dựng lớn làm cơ sở kêu gọi đầu tư các dự án phát triển nhà ở, khu dân cư.

g) Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng hoàn thành cơ bản kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp, các dự án xây dựng hạ tầng giao thông kết nối, nhất là các dự án giao thông liên vùng có tính kết nối cao, hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm, hệ thống cảng biển gắn với Cảng nước sâu Bãi Gốc...

- Hoàn chỉnh tuyến giao thông quan trọng trực chính nối liền các khu chức năng trong Khu Kinh tế Nam Phú Yên với tuyến giao thông huyết mạch Quốc gia (Quốc lộ 1), tuyến cao tốc đường bộ Bắc - Nam; sớm triển khai đầu tư hoàn thành các Khu Tái định cư kịp thời đáp ứng nhu cầu phục vụ tái định cư, di dân đối với các hộ dân bị ảnh hưởng để triển khai xây dựng các dự án lớn tại Khu kinh tế Nam Phú Yên; đầu tư hoàn thành các dự án hạ tầng khung nhằm thu hút đầu tư các dự án Nhà ở xã hội và đảm bảo môi trường tại các Khu dân cư...

- Tăng cường kết nối theo đường biển, huy động các nhà đầu tư xây dựng

cảng biển Vũng Rô, Bãi Góc, các cảng, bến thủy nội địa và hạ tầng logistics cảng biển. Sớm đưa vào khai thác và vận hành hiệu quả Cảng nước sâu Bãi Góc.

2.8. Phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, khẳng định vai trò kinh tế nhà nước là chủ đạo, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch của tỉnh về phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (*Trừ các công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 100% vốn nhà nước*) để tham mưu giải pháp, kế hoạch sắp xếp phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Khẩn trương xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; tổ chức lại, giải thể các doanh nghiệp yếu kém; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp theo phương án, kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới phương thức đánh giá và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước gắn với quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm gắn với các biện pháp đôn đốc, kiểm tra, giám sát, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, người đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước.

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 10-KH/TU, ngày 12/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 059/KH-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung triển khai có hiệu quả các nội dung, giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phân đầu tốc độ phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 bình quân đạt 13%/năm, đến hết năm 2030 toàn tỉnh có khoảng 26.000 doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế, đóng góp khoảng 55-58% GRDP.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành cho kinh tế tư nhân.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể danh mục tài sản công (nhà, đất) cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công.

- Chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh tham mưu xây dựng, triển khai chính sách hỗ trợ, cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.

- Tham mưu Nghị quyết của HĐND tỉnh và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Triển khai thực hiện Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Triển khai thực hiện Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global).

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Liên minh HTX tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh và triển khai các nội dung hỗ trợ Hợp tác xã nông nghiệp tham gia hợp tác với doanh nghiệp trong việc liên kết sản xuất, gắn với đầu ra sản phẩm nông sản; hỗ trợ Hợp tác xã tham gia sản phẩm OCOP.

- Đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ Hợp tác xã như: hỗ trợ kiểm toán, hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị; hỗ trợ các hợp tác xã thực hiện việc chuyển đổi số; hỗ trợ hợp tác xã làng nghề truyền thống, hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...

- Đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị giữa các tổ chức kinh tế tập thể và với các doanh nghiệp trong, ngoài nhà nước. Chú trọng thực hiện các giải pháp kết nối sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; phát triển số lượng, quy mô, chất lượng và hiệu quả.

- Tập trung rà soát, tham mưu triển khai các nhiệm vụ nhằm hoàn thành kế hoạch sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 2026 – 2030.

e) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, quản lý và sử dụng có hiệu quả mạng lưới tư vấn viên pháp luật của tỉnh nhằm đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật, góp phần triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh giai đoạn 2026-2030 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

g) Thuế tỉnh Đắk Lắk chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan:

- Triển khai thực hiện các chính sách, nội dung về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Triển khai chính sách hỗ trợ, cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, đào tạo, tư vấn về kế toán, thuế cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.

h) Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV và Luật sửa đổi, chương trình hỗ trợ của ngành, lĩnh vực cho đối tượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, trong đó tập trung vào các hoạt động nâng cao năng lực quản trị, xây dựng hệ thống tài chính minh bạch, chuẩn mực, chuẩn hóa chế độ kế toán, kiểm toán..., để tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính.

- Ứng dụng triệt để chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh trong các quy định về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn...

- Triển khai cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Trong năm 2025 - 2026, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu và lộ trình quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 - 2026.

- Thường xuyên rà soát điều kiện đầu tư kinh doanh để sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi nhằm chuyển toàn bộ các điều kiện kinh doanh, giấy phép, chứng nhận sang thực hiện công bố và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và xây dựng con người Đắk Lắk thời kỳ mới

3.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường:

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về “Phát triển văn hóa Việt Nam”, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá và các chương trình, kế hoạch của tỉnh về phát triển văn hóa. Thúc đẩy công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng Chương trình hành động về xây dựng con người Đắk Lắk phát triển toàn diện gắn với xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc giai đoạn 2026 - 2030.

- Xây dựng Chương trình hành động về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến 2035. Giữ gìn những chuẩn mực truyền thống, phát huy giá trị gia đình Việt Nam.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân. Tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hoá, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của

các đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là di sản không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên.

- Nâng cao sức khỏe, tầm vóc cho người dân, phát triển thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao và chuyên nghiệp. Tăng cường đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Ưu tiên bố trí quỹ đất và thu hút các nguồn lực xã hội hóa xây dựng, nâng cấp mở rộng một số công trình văn hóa và thể thao. Quan tâm kêu gọi đầu tư, phát triển khu liên hợp thể thao vùng.

- Tổ chức thực hiện Hệ giá trị quốc gia, Hệ giá trị văn hoá, Hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Cụ thể hóa các hệ giá trị phù hợp với đặc trưng đa văn hóa, đa dân tộc của địa phương.

- Ưu tiên đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc trên địa bàn; gắn bảo tồn với phát triển du lịch bền vững. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành quy hoạch, ưu tiên nguồn lực, huy động nguồn lực đầu tư một số công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh có tính biểu tượng, phục vụ phát triển của vùng, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử. Kết hợp đầu tư công với xã hội hóa trong xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao hiện đại. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Công viên địa chất hướng đến Công viên địa chất toàn cầu UNESCO.

- Số hóa di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa cấp tỉnh. Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở; bảo đảm 100% xã có trung tâm văn hóa - thể thao hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ sáng tạo, biểu diễn, truyền dạy nghệ thuật truyền thống các dân tộc Tây Nguyên. Phát triển các sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng của tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Hình thành một số sản phẩm văn hóa có thương hiệu cấp vùng, quốc gia.

- Thúc đẩy phong trào, hoạt động văn hóa cơ sở: Triển khai Đề án phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” theo hướng thực chất, lấy người dân làm chủ thể. Phát huy vai trò già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn bản sắc và an ninh cơ sở.

3.2. Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách đặc thù dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm nguồn lực để đầu tư, hướng tới phát triển bền vững về kinh tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa của từng vùng dân tộc thiểu số trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

4.1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên

quan:

- Thường xuyên theo dõi, tham mưu tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” và các chương trình, kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa giáo dục; ưu tiên đầu tư vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; xây dựng hệ thống học liệu số dùng chung toàn tỉnh.

- Tập trung triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo các cấp. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-5 tuổi trước năm 2030. Từng bước thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học và THCS, ưu tiên khu vực đô thị và trung tâm xã.

- Triển khai Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước nâng chất lượng để tiếng Anh trở thành công cụ học tập. Tăng cường giáo dục nghệ thuật, văn hóa truyền thống dân tộc trong trường học. Nâng tỷ lệ học sinh đạt chuẩn thể lực theo quy định quốc gia.

- Triển khai giáo dục STEAM trong trường phổ thông; hình thành mô hình trường học số thí điểm tại các đô thị trung tâm. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý giáo dục, hỗ trợ học tập cá nhân hóa.

- Xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển. Nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn, gắn đào tạo với nhu cầu về lao động của tỉnh, phát triển một số ngành, nghề trọng điểm đạt chuẩn khu vực.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề; triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và giải quyết việc làm.

- Xây dựng Chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành mũi nhọn của tỉnh. Triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực số, đào tạo kỹ năng số cho người lao động.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới trường, điểm trường, lớp học đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

- Quan tâm củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; xây dựng Đề án xây dựng trường liên cấp đồng bộ tại các xã biên giới; ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ học sinh vùng khó khăn, không để xảy ra trường hợp học sinh bỏ học vì lý do kinh tế.

- Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia.

- Chủ động xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù để đào tạo,

bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao y tế, đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá các ngành khoa học, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng và công nghiệp mới nổi; khuyến khích hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước.

4.2. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tham mưu xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp chức năng, nhiệm vụ để xác định biên chế khối cơ quan hành chính nhà nước.

- Xây dựng Đề án phát triển quan hệ lao động trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030.

- Rà soát, xác định và ban hành danh mục các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng điểm, quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Hoàn thành xây dựng Đề án thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ, ưu đãi thu hút nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

5. Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

5.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu UBND tỉnh:

- Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030, đảm bảo hoàn thành mục tiêu “*Đến hết năm 2030, quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP*”. Khuyến khích mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu và công nghệ.

- Tập trung, quyết liệt triển khai đảm bảo tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “*Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*” và Chương trình số 61-CTr/TU, ngày 25/02/2025, Kế hoạch số 283-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện các kế hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương phù hợp điều kiện tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, tham mưu thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên, đột phá, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

- Có cơ chế khuyến khích, nâng cao năng lực sẵn sàng thử nghiệm, áp dụng các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan trên toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu, đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai, vận hành hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh, bảo đảm thống nhất, liên thông và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Triển khai Dashboard giám sát trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đến cấp cơ sở; tiếp tục triển khai, phát triển, tích hợp thông tin trên Ứng dụng “Đắc Lắc số” đáp ứng yêu cầu kết nối, sử dụng của Nhân dân.

- Triển khai rộng, hiệu quả Đề án “*Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật, cảnh sắc Đắc Lắc lên không gian số*”; đưa những sản vật đặc trưng của Đắc Lắc thành sản phẩm kinh tế số có giá trị cao.

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành, khai thác hiệu quả Trung tâm Dữ liệu tỉnh, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh. Đổi mới quy trình quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2026 - 2030, xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Vận hành hiệu quả Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh như: Nông nghiệp số, nông nghiệp phát thải thấp; quản lý rừng và tín chỉ các bon; giám sát môi trường, tài nguyên bằng công nghệ số; du lịch thông minh và quảng bá số.

- Hoàn thiện cơ chế đặt hàng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, năng lượng tái tạo, quản lý tài nguyên.

- Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, nhất là dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

5.2. Các Sở, ban, ngành, địa phương:

- Bám sát mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 092/KH-UBND ngày 21/10/2025 về Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 0127/KH-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Đề án “*Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc*” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động số 0119/KH-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung,

gắn với phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp xã, để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đào tạo chuyên sâu về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

- Thường xuyên rà soát, kiến nghị xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và điểm nghẽn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chuyển đổi số toàn diện trở thành động lực phát triển tỉnh trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước, đặc biệt là chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh gắn với phát triển năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh tăng hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng quy trình sản xuất khép kín, ít phát thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.

5.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan:

Cân đối, đảm bảo chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% trong tổng chi ngân sách địa phương; chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phân đầu đến hết năm 2030 tối thiểu đạt 1,5% tổng chi ngân sách địa phương.

6. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

6.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Thường xuyên theo dõi, tham mưu tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về “*Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân*” và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trên địa bàn.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; quan tâm, phân đầu cải thiện tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, nâng số giường bệnh, số bác sĩ trên một vạn dân, góp phần vào kết quả chung của cả nước.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có đổi mới chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội. Phát triển nền tảng khám chữa bệnh từ xa, dịch vụ công an sinh trực tuyến.

- Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư xây dựng các bệnh viện chuyên khoa chất lượng cao, phát triển du

lịch y tế.

- Tăng cường đào tạo, thu hút nhân lực y tế chất lượng cao; cải thiện điều kiện làm việc và đãi ngộ cán bộ ngành y. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, bệnh viện và cơ sở đào tạo lớn trong nước.

- Có giải pháp nâng cao năng lực y tế dự phòng, công tác dân số, quản lý an toàn thực phẩm; phát huy y học cổ truyền và kết hợp Đông - Tây y. Tăng cường năng lực y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh từ sớm, từ xa.

- Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế các tuyến; củng cố, tổ chức lại hệ thống y tế cơ sở; bảo đảm 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Quan tâm nâng cấp, mở rộng và đầu tư trang thiết bị Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng mới các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

- Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, phấn đấu đến năm 2030 đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

- Triển khai sơ sức khỏe điện tử; kết nối cơ sở dữ liệu y tế dùng chung. Nâng cao hiệu quả chi trả trợ cấp xã hội qua nền tảng số.

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách trợ giúp đối tượng yếu thế; bảo đảm mức sống tối thiểu theo chuẩn quốc gia.

6.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường:

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

- Thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, cải thiện đời sống, tăng thu nhập người dân và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; hỗ trợ người dân có sinh kế bền vững thông qua đào tạo, chuyển đổi việc làm, nâng cao dân trí và chính sách tín dụng xã hội.

- Quan tâm xây dựng chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp chênh lệch về trình độ phát triển giữa khu vực thành thị - nông thôn.

6.3. Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh:

Quan tâm bố trí nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

6.4. Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường:

- Tổ chức thực hiện hiệu quả hợp phần thứ hai: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

- Triển khai hiệu quả Đề án “*Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”; Đề án “*Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo*” tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 11/7/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, chú trọng tới các vùng có đồng đồng bào tôn giáo, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh:

- Tham mưu xây dựng dự án thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua bảo vệ và phát triển rừng, mua bán tín chỉ các bon theo những cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế; tạo cơ chế để xây dựng thí điểm các mô hình về thực phẩm vườn rừng, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn. Thúc đẩy hoàn thiện hồ sơ, cơ sở pháp lý, kỹ thuật thực hiện giao dịch tín chỉ cac-bon. Triển khai cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với tín chỉ các bon. Chuẩn bị điều kiện tham gia thị trường các bon trong nước.

- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên bền vững, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên biển.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Cụ thể hóa các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất.

- Đẩy mạnh trồng rừng tập trung; khuyến khích trồng rừng gỗ lớn gắn với thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; tăng cường trồng cây phân tán để bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan, nâng cao độ che phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện các Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng, gắn bảo vệ rừng với sinh kế bền vững, nông - lâm kết hợp, du lịch sinh thái rừng.

- Tiếp tục duy trì, phát huy chính sách dịch vụ môi trường rừng; tổ chức thu, chi, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tiền thu được từ dịch vụ môi trường rừng.

- Triển khai thực hiện Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn. Nghiên cứu thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn trong chế biến cà phê, cao su, nông sản.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; chủ động xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai; triển khai hiệu quả Đề án của Trung ương về phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

- Triển khai xây dựng các hồ chứa lớn, triển khai hiệu quả Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; ưu tiên đầu tư thủy lợi đa mục tiêu, an ninh nguồn nước, logistics nông nghiệp, hạ tầng số. Đề xuất Trung ương quan tâm đầu tư xây dựng các hồ chứa lớn tại Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ.

- Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu số: đất đai, rừng, thủy lợi, vùng nguyên liệu, OCOP, tài nguyên - môi trường. Ứng dụng GIS/WebGIS giám sát rừng, cảnh báo cháy rừng, theo dõi biến động đất đai và môi trường. Ứng dụng nền tảng số trong dự báo thời tiết, sâu bệnh, thị trường nông sản.

- Kiểm soát ô nhiễm tại các khu chăn nuôi, khu công nghiệp, điểm nóng môi trường. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát thải thấp, năng lượng tái tạo trong nông nghiệp.

- Có giải pháp, cơ chế xử lý rác thải an toàn, hiệu quả, bảo đảm an ninh rác thải; giải quyết điểm nghẽn trong hoạt động của các Khu, cụm công nghiệp.

- Rà soát, kiến nghị Trung ương sớm xem xét điều chỉnh, ban hành chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, đề xuất cập nhật, tăng các chỉ tiêu đất khu công nghiệp, đất khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm tạo dư địa thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất: Rà soát, xử lý dứt điểm các tồn tại về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; khắc phục chồng lấn đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp.

- Rà soát, nâng cấp các hồ chứa thủy lợi; bảo đảm an toàn đập, đặc biệt trong mùa mưa lũ. Xây dựng phương án điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng hạn hán. Tăng cường quản lý khai thác nước ngầm.

- Tiếp tục triển khai các dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung tại CCN (phát huy hiệu quả 04 công trình đã triển khai với tổng công suất thiết kế 2.520 m³/ngày đêm), mở rộng mô hình đến các CCN do UBND cấp xã quản lý, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường và thu hút đầu tư bền vững.

- Tập trung rà soát nâng cấp, mở rộng các cảng cá hiện có và xây dựng mới các khu neo đậu tránh trú bão, trước mắt là kêu gọi đầu tư nâng cấp cảng cá Đông Tác (cảng cá loại I - cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư); dự án

đầu tư Khu neo đậu tránh trú bão Lạch Vạn Cùi (kết hợp cảng cá) nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu thuyền, đặc biệt là tàu đánh bắt xa bờ và tàu vận chuyển hàng hóa thủy sản.

8. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả

Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh:

- Nâng cao tính chủ động, chất lượng, hiệu quả của việc triển khai các chương trình hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả thu hút FDI.
- Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình số 02-CTr/TU ngày 19/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.
- Đẩy mạnh đối ngoại kinh tế có trọng tâm, trọng điểm; mở rộng hợp tác quốc tế trong nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao vị thế tỉnh trong liên kết vùng và hội nhập. Thu hút hiệu quả FDI, ODA và các nguồn vốn quốc tế cho hạ tầng, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số.
- Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch ở nước ngoài gắn với quảng bá tiềm năng, lợi thế của địa phương. Chủ động kết nối với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng cường xúc tiến xuất khẩu, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực chế biến, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm xuất khẩu; xây dựng thương hiệu, phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh; hợp tác với các tỉnh/thành, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cao chuỗi giá trị xuất khẩu.
- Duy trì, phát triển quan hệ hữu nghị với các địa phương giáp biên Campuchia; bảo đảm biên giới hòa bình, hợp tác phát triển. Mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài có thế mạnh về nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, du lịch sinh thái. Chủ động tham gia các diễn đàn hợp tác vùng Tây Nguyên và hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng.
- Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa gắn với Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên và Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột. Thúc đẩy ngoại giao khoa học - công nghệ, hợp tác đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp thông minh. Ứng dụng nền tảng số trong quảng bá hình ảnh, xúc tiến đầu tư.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại chuyên nghiệp, có trình độ ngoại ngữ, am hiểu hội nhập quốc tế. Tăng cường đào tạo kỹ năng ngoại giao kinh tế, đàm phán quốc tế cho cán bộ chủ chốt.
- Cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách, chương trình về hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; tập trung đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và truyền thông về hội nhập quốc tế với hình thức đa dạng, linh hoạt, hướng đến các nội dung chuyên sâu gắn với tình hình biến động, hội nhập kinh

tế thế giới; tận dụng các FTA thế hệ mới đối với ngành hàng cà phê, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cà phê và tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

- Thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng và hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh để chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

9.1. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh:

- Tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục quán triệt sâu sắc, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng và các văn bản quy phạm pháp luật mới về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, công tác biên phòng; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, biên phòng và biên giới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Chiến lược bảo vệ Biên giới quốc gia và các nghị quyết, đề án, luật về quốc phòng, quân sự địa phương và công tác biên phòng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý hiệu quả tàu thuyền nước ngoài vi phạm chủ quyền vùng biển.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp; tuyển chọn công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

- Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ kết hợp diễn tập phòng thủ dân sự cấp tỉnh (năm 2026) và chỉ đạo diễn tập tác chiến cấp xã trong khu vực phòng thủ (năm 2026: 30%; năm 2027: 35%; năm 2028: 35%) đúng quy định.

- Quản lý, sử dụng đất quốc phòng đúng pháp luật; chủ động tham mưu, đề xuất giải quyết dứt điểm một số vị trí đất quốc phòng bị chôn lấn; tiếp tục triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng, hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn tỉnh. Chủ động triển khai các giải pháp đột phá trong công tác tham mưu huy động các nguồn lực để xây dựng KVPT tinh cơ bản, toàn diện, liên hoàn, vững chắc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống, chú trọng đầu tư kinh phí xây dựng sở chỉ huy diễn tập KVPT tỉnh, căn cứ chiến đấu, công trình chiến đấu, thao trường, doanh trại và cơ sở vật chất trang bị cho các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD), thế trận QPTD gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận thế trận an ninh nhân dân và “thế trận lòng dân” vững chắc; chủ động tham mưu các giải pháp ngăn ngừa các vụ việc phức tạp, gây bức xúc trong Nhân dân, không để xảy ra “điểm nóng” trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (DQTV)

vững mạnh, rộng khắp, có chất lượng tổng hợp, hoạt động hiệu quả; đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của ban CHQS cấp xã; chú trọng nâng cao chất lượng dân quân thường trực (DQTT), nhất là DQTT ở các xã biên giới, ven biển, đảo, các xã trọng điểm về quốc phòng, Hải đội Biên phòng và chốt DQTT.

- Tham mưu bảo đảm chế độ chính sách hỗ trợ cho lực lượng DQTV, mua sắm trang phục, công cụ hỗ trợ cho dân quân; triển khai các đề án, kế hoạch về tổ chức xây dựng lực lượng, hoạt động và chế độ chính sách đối với DQTV, nhất là bảo đảm ban CHQS cấp xã xây dựng từ một trung đội thiếu đến một trung đội DQTT; bảo đảm nguồn ngân sách xây dựng nhà làm việc của ban CHQS cấp xã ngoài trụ sở UBND cấp xã.

- Xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, đủ về số lượng, có chất lượng toàn diện; tham mưu đầu tư mua sắm, đổi hạn vật chất hậu cần, trang cụ súng pháo cho lực lượng DBĐV bảo đảm sẵn sàng đáp ứng nhu cầu động viên thời chiến; các đơn vị động viên khẩn cấp bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

- Lãnh đạo thực hiện toàn diện công tác biên phòng, tham mưu đầu tư kinh phí xây dựng và khai thông cặp Cửa khẩu Đắc Ruê - Chi Miết, chủ động đàm phán giải quyết công tác phân giới và cắm các mốc phụ trên đoạn biên giới còn lại của tỉnh. Quản lý chặt chẽ các hoạt động của người, phương tiện, tăng cường kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu; quản lý chặt chẽ địa bàn, đối tượng, tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống ma túy và tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại, mua bán người, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới. Đấu tranh quyết liệt trong công tác chống thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU), giữ vững ANCT-TTATXH trên khu vực biên giới đất liền, biên giới biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ.

- Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SSCĐ, chủ động phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Tổ chức điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn kiện tác chiến các cấp và kế hoạch phòng thủ dân sự. Phối hợp các lực lượng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, nắm chắc tình hình theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP và Nghị định số 02/2020/NĐ-CP của Chính phủ hiện hành và Nghị định mới sửa đổi. Chủ động làm tốt công tác chuẩn bị sẵn sàng tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và các nhiệm vụ đột xuất khác. Chỉ đạo nâng cao chất lượng huấn luyện; tổ chức huấn luyện, diễn tập sát với điều kiện, phương án, đối tượng tác chiến, tổ chức, biên chế trang bị của đơn vị. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện.

9.2. Công an tỉnh:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết và Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Đắc Lắc thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, đối tượng; chủ động triển khai

có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, chủ động xử lý các loại tội phạm mới; giải quyết kịp thời các phát sinh phức tạp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tín ngưỡng, tôn giáo, nông thôn, đô thị theo phương châm “04 tại chỗ”, kiên quyết không để xảy ra khủng bố, biểu tình, bạo loạn, hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh có hiệu quả hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ đối với tà đạo, đạo lạ, hiện tượng tôn giáo mới, hoạt động “núp bóng” tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng cháy, chữa cháy.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy về chính trị tư tưởng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Quan tâm, củng cố, kiện toàn và xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác góp phần bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các nhà làm việc của công an xã theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực an ninh.

- Làm tốt công tác nắm tình hình, đảm bảo an ninh, trật tự các hoạt động ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế và đối ngoại nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thẩm định về vấn đề an ninh đối với các dự án kinh tế - xã hội chặt chẽ.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp ngăn chặn tàu cá Việt Nam khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) trên khu vực biên giới biển, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên, môi trường, lợi ích quốc gia trong mọi tình huống.

10. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở địa phương

10.1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tư pháp; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

- Theo dõi, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai

thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về “*Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*”; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Kế hoạch số 04-KH/TU ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Phối hợp rà soát, tổng hợp nội dung đề xuất cấp có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật, nhất là các nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách huy động nguồn vốn đầu tư phát triển, trọng tâm là các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư, khuyến khích phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể và xã hội hóa trong các lĩnh vực ưu tiên; chuyển giao công nghệ và quản trị cho doanh nghiệp, phát triển cụm ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tích hợp, vận hành hiệu quả hệ thống cung cấp thông tin pháp luật của tỉnh kết nối với Công Pháp luật quốc gia; đẩy mạnh giải quyết kiến nghị pháp lý của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở; nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật của người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dễ hiểu, dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

10.2. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

- Quán triệt việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên; thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và thi hành pháp luật.

- Thường xuyên theo dõi, tham mưu triển khai kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành trong toàn bộ hệ thống chính trị. Chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức của các sở, ngành, địa phương trong giải quyết công việc, làm rõ trách nhiệm trong công tác phối hợp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân từ chuyên viên đến lãnh đạo để triển khai thực hiện hiệu quả công việc.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng nguyên tắc, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp

luật bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Chủ động đẩy mạnh truyền thông chính sách, nhất là các chính sách có tác động lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động; không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế chính sách và xây dựng pháp luật.

- Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các văn bản QPPL sau khi ban hành; kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm công tác tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường các hoạt động điều tra, khảo sát theo dõi thi hành pháp luật.

- Củng cố, nâng cao năng lực tổ chức pháp chế, đội ngũ người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tổ chức, doanh nghiệp; bảo đảm vị trí việc làm, chế độ, xếp ngạch, chuyển ngạch cho người làm công tác pháp chế theo quy định.

- Gắn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá; nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong hệ thống chính trị và toàn xã hội; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO DÕI, THAM MƯU ĐỐI VỚI CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ (Phụ lục 1, 2, 3, 4 gửi kèm theo)

1. UBND tỉnh phân công đơn vị phụ trách theo dõi, tham mưu giải pháp thực hiện đối với từng chỉ tiêu kinh tế - xã hội cụ thể tại Phụ lục 1.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động rà soát, điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của Trung ương về tốc độ tăng trưởng từ 11%/năm trở lên theo kịch bản tăng trưởng tại Phụ lục số 2.

3. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động phối hợp triển khai thực hiện, hoàn thành đúng thời gian, đảm bảo chất lượng đối với từng nhiệm vụ theo Bảng phân công cụ thể tại Phụ lục 3; đồng thời, khẩn trương chỉ đạo tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai, sớm hoàn thành và đưa các dự án quan trọng tại Phụ lục số 4 vào hoạt động, tạo động lực tăng trưởng hai con số cho tỉnh giai đoạn 2026-2030.

4. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị (số 57, 59, 66, 68, 70, 71, 72, 79, 80), các chương trình, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương bảo đảm nội dung sát

thực tiễn, cụ thể hóa thành nhiệm vụ, giải pháp khả thi theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ nguồn lực, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm để tổ chức thực hiện đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường:

- Trên cơ sở những nội dung chủ yếu trong Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch thực hiện của ngành, đơn vị, địa phương mình và cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện.

- Tổ chức tốt việc triển khai nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy; làm rõ những nội dung mới, yêu cầu cao hơn đối với tỉnh, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng và yêu cầu đổi mới mô hình phát triển; việc quán triệt phải gắn với xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của từng cơ quan, đơn vị.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin, tuyên truyền nhằm đạt hiệu quả cao trong triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

3. Sở Nội vụ chủ trì nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh triển khai phát động phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tinh đề ra trong giai đoạn 2026 - 2030.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin và truyền thông trên địa bàn tập trung tuyên truyền về nội dung, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, bám sát các chương trình trọng tâm nêu tại Nghị quyết.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, điều chỉnh kịp thời./.